

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1121 (Tr.521_Tr.523)

KIM CƯƠNG ĐỈNH PHỔ HIỀN DU GIÀ ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH
ĐẠI LẠC BẤT KHÔNG KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA
NHẤT THIẾT THỜI PHƯƠNG THÀNH TỰU NGHI

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi đầu lễ Đại Mật
Từ **Kim Cương Trì** (Vajra-dhāra) sinh
Mật Ngũ có, trước nên
Phát tâm lợi lạc hết
Không sót Giới Hữu Tình
Tùy ý xung tưng đây
Tính thành tựu Mật Ngôn
Nên phát **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
(Như trên gọi là **Nguyện Bồ Đề Tâm**)

“**Án, tát phộc dụ nga, chát đa mẩu đấp-bả na dạ nhĩ**”

ॐ स्र्व एत (स्र्व मखर एत)

*)OM_ SARVA YOGA CITTAM UTPĀDA YAMI

Do vừa tụng Mật Ngôn

Phát Tâm Bồ Đề nên

Trừ khắp tất cả Chướng

Được niềm vui đẹp ý

Chẳng bị Ma ngăn trở

Ngang bằng **Chính Biến Tri** (Samyaksambuddha)

Nhận các Thế Gian cúng

Lại quán tất cả Pháp

Sắc không tự tính **rỗng** (Śūnya)

[Bên trên gọi là **Thắng Nghĩa Bồ Đề Tâm**]

Liên thấy suốt Bản Tâm

Tròn trắng như trăng đầy

Ngũ Phong Tổ Kim Cương

Nhảy đứng mặt vành trăng

Liên quán **Trí Kim Cương** (Jñāna-vajra)

Biến thành **Bạc Già Phạm**

Kim Cương Tát Đỏa thân (Bhagavan-vajrasatva-kāya: Thân của Thế Tôn Kim Cương Tát Đỏa)

Hình áo: trắng trắng sáng

Ngồi trên đài sen trắng

Năm Phật nghiêm trang mào

Trang sức vật trang nghiêm

Lưng rực hào quang đỏ

Y trụ trong vành trăng

Lại dùng năm Kim Cương (Vajra: chày Kim Cương)

Trang nghiêm vành trăng tim

Như vậy quán thân mình

Dùng hai **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi)
Tả (quyền trái) che háng, hữu (quyền phải) tim
Tên **Kim Cương Tát Đỏa**
Mạn Ấn Hồng Ca La
Tuệ phu (mu bàn chân phải) đè trên Định (chân trái)
Tên **Phổ Hiền Kết Già**
Lại kết **Diệu Thích Duyệt**
Tam Ma Gia Mật Ấn
Gom các Độ (các ngón tay) ứng buộc
Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) dùng làm gốc
Thiền hình (ngón cái phải) vào Môn ấy
Dần động yên, ứng ép
Niệm tụng **Tố La Đa**
Tát đát noan Mật Ngữ
ॐ ॥ ॐ ॥
)SURATA STVAM

Do Ấn Mật Ngôn này
Thánh có vào thân ta
An tim, trán, họng, đỉnh
Liên năm Tam Muội Quyền
Thiền Trí (2 ngón cái) đều vào trong
Co Tiến Lực (2 ngón trỏ trụ lưng)
Tụng **Án, phộc nhật la**
Mẫu sắt trí, noan
ॐ ॥ ॐ ॥
)OM_ VAJRA-MUṢṬI VAM
Làm hai Nghiệp Quyền
Tụng **Tát phộc tất địa**
ॐ ॥ ॐ ॥
)SARVA SIDDHI

Lại bày **Mạn Ấn** trước
Đại Lạc Kim Cương Tâm (Mahā-sukha vajra-citta)
Mật Ngữ **Hồng Ca La**
ॐ ॥ ॐ ॥
)HŪM-KARA

Tiếp hợp Kim Cương Chương
Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như sen hợp
Tiến Lực (2 ngón trở) an lông đầu
Đỉnh, trán chuyên phải đặt
Mà thành mao Ngũ Phật
Giữa đỉnh: **Biến Chiếu Phật** (Vairocana)
Nên tụng **Án bộc khiêm**
ॐ ॥ ॐ ॥
)OM_ BHŪḤ KHAM

A Súc Phật (Akṣobhya) chân tóc
Nên tụng **Phộc nhật la**
Tát đũa thành Mật Ngữ
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA-SATVA

Đỉnh hữu (bên phải đỉnh đầu) **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava)
Cũng xưng **Phộc nhật la**
La đất nạng thành tuần
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA-RATNA

Hậu (phía sau đỉnh đầu) **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus)
Lại tụng **Phộc nhật la**
Đạt ma Mật Ngữ thành
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA-DHARMA

Đỉnh tả (bên trái đỉnh đầu) tụng **Bất Không**
Thành Tựu Phật (Amogha-siddhi) Mật Ngữ
Phộc nhật la yết ma
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA-KARMA

Chia Phật Thân Thắng An
Làm hai Kim Cương Quyền
Giao cánh tay ở trán
Chia quyền đến **ngọc chằm** (xương lồi ở ót)
Lóng Tiến Lược (2 ngón trỏ) quấn nhau
Tam hệ (ba lần cột buộc) Kim Cương Man (vòng hoa Kim Cương)
Chia tay hai bên tai
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông dần
Gom xuống rũ đai lụa
Xung tụng **Phộc nhật la**
Mãng la hàm noan xong
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA-MĀLA HŪM VAM

Do nhóm Ấn này thành
Nhận đầy đủ Quán Đỉnh
Vì nói Thánh Chúng nên
Vỗ lòng tay ba lần
Tụng **Phộc viết la đồ**
Sử dĩa cóc Mật Ngữ
𑖀𑖄𑖆𑖅
*)VAJRA TUṢYA HOḤ
Do vỗ Kim Cương Chương
Mau thành Thẻ Tát Đũa

Tiếp nên an lập khắp
Quyển Thuộc mười sáu Tôn
Vây quanh Đại An Lạc

Trước mắt, ở phía trước
Hai tay cầm cung tên
Hình, áo, sen màu hồng
Dùng hai Kim Cương Quyền
Dương cung như thế bắn
Tụng **Nhược phộc nhật la**
Nhĩ lý sắt trí sa
Dã kế ma tra cú
𑖦 𑖩𑖫 𑖨𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯
*)JAḤ VAJRA-DRṢṬI SAYAKE MAṬ

Hữu (bên phải) **Kế Lý Chỉ La** (Kīlikīla)
Giao tý (cánh tay) Kim Cương Quyền
Bên phải cầm Kim Cương
Hình màu trắng, mắt sen
Tụng **Hồng phộc nhật la**
Kế lý chỉ lệ hồng
𑖦 𑖩𑖫 𑖨𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯
*)HŪM VAJRA-KĪLIKĪLE HŪM

Phía sau cầm phương phan
Ma Ca La làm đầu (cái đầu)
Tuệ Quyền (quyền phải) dựng khuỷu tay
Định Quyền (quyền trái) Lực (ngón trỏ) Trí (ngón cái) Thủy (ngón vô danh)
Hình mắt loại sen xanh
Tông phộc nhật la nê
Sa ma la, la tra
𑖦 𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖩𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯
*)VAM VAJRINI SMĀRA RAṬ

Tụng Mật Ngôn này xong
Buông hai quyền cạnh eo
Hướng trái hơi cúi đầu
Tụng **Cốc phộc nhật la**
Ca minh niết phộc lý
Đát lăm, Mật Ngữ xong
𑖦 𑖩𑖫 𑖨𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯
*)HOḤ VAJRA KĀMEŚVARI TRĀM

Kim Cương Mạn ở trái (bên trái)
Ý, Thể, hoa sen: vàng (màu vàng)
Trước (phía trước) góc phải **Thời Xuân**
Hai tay nâng mâm hoa

Hình, áo màu sen trắng
Ngửa hai quyền bung lên
Hoa thơm tràn không giới
Nên tụng **Án mật độ**

Phộc nhật la cụ án

ॐ म म व ज र

*)OM _ MADHU-VAJRA GUM

Sau (phía sau) góc phải **Thời Vũ**

Cầm lò hiển hương đốt

Màu thân loại mây huyền

Úp hai (2 tay) hướng dưới đê

Mây hương hơi thơm khắp

Tụng Mật Ngữ ấy **Án**

Phộc nhật la minh chi

Ngủ lỗ ngủ lỗ xong

ॐ व ज म य गुरु गुरु

*)OM _ VAJRA-MEGHA GURU GURU

Sau (phía sau) góc trái **Thời Thu**

Màu đỏ, cầm đèn đuốc

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm ép nhau

Đèn Kim Cương nâng quanh

Liên tụng **Án xả la**

Phộc nhật lý ám cú

ॐ र र र व ज म

*)OM _ SARAT-VAJRI AM

Vũ bung quét từ ngực

Liên thành **Đồ Hương Khế**

Tụng **Án phộc nhật la**

Thế thủy lệ, hồng hồng

Dâng hiến bát hương xoa (đồ hương)

Trụ góc trái phía trước

Đông (**Thời Đông**) thân, sen, áo: vàng (màu vàng)

ॐ व ज म म र र

*)OM _ VAJRA-SÍSIRE HŪM HŪM

Ở Ngoại Mạn Đồ La

Bốn góc nên an lập

Hoa phương danh **Hy Hý**

Che hai quyền ngay tim

Chuyển tụng **Hệ la đế**

Phộc nhật la vĩ la

Tất nhĩ đất la tra

र र र व ज व ल म र व र

*)HE RATI VAJRA VILĀSINI TRAT

Dương chưởng ngón bên miệng

Cười tụng **Hệ la đế**

Phộc nhật la hạ tế

Hạ hạ ca la dã

Tên **Tiểu** trụ ngoài mây

𑖀 𑖄𑖅 𑖄𑖅 𑖀𑖄 𑖀 𑖀𑖄𑖅 𑖄

*)HE RATI VAJRA-HĀSE HA HA KĀRĀYA

Ngoài **Thu** (Thời Thu) **Kim Cương Ca**

Thiền (tay trái) cầm Không Hầu

Định Quyền (quyền trái) hơi co Lực (ngón trở)

Cong tay như Không Hầu

Tuệ Quyền (quyền phải) Tiến (ngón trở) cũng vậy

Khoảng bấp tay Thiền Định (tay trái) [ND:như thế búng dây đàn]

Ca xương **Hệ la đế**

Phộc nhật la nghi đế

Đế đế, Mật Ngữ thành

𑖀 𑖄𑖅 𑖄𑖅 𑖀𑖄 𑖀 𑖀

*)HE RATI VAJRA-GĪTE TE TE

Xoay múa các ngón tay

Bung Quyền lại thành Quyền

Chuyển trên má (gò má) trái phải

Kim Cương Chưởng bung đỉnh (buông trên đỉnh đầu)

Tụng **Hệ la đế phộc**

nhật la nhĩ lý đế

Phệ ba phệ ba xong

𑖀 𑖄𑖅 𑖄𑖅 𑖀𑖄 𑖀𑖄 𑖀𑖄

*)HE RATI VAJRA-NṚTYE VEPA VEPA

Vũ ở góc ngoài **Đông**

Như vậy bốn Cúng Đường

Đều đồng thân màu vàng

Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng móc nhau

Giao tay (cánh tay) đuổi Lực Độ (ngón trở trái)

Co Tiến Sơ (lóng đầu của ngón trở phải) như câu (móc câu)

Nên tụng **Phộc nhật lãng**

Cử thể nhược, Mật Ngữ

Cầm Câu (móc câu) giữ cửa trước

𑖄𑖅 𑖀𑖄 𑖀

*)VAJRA AMKUSĒ JAḤ

Liên đem Tiến Lực (2 ngón trở) trụ

Như vòng thành dây tơ

Lại tụng **Phộc nhật la**

Bá thể hồng, Mật Ngữ

Cầm dây (sợi dây) giữ cửa phải (cửa bên phải)

वज्रपासे हूं

*)VAJRA-PĀSE HŪM

Tiến Lực (2 ngón trở) móc kết chặt

Trụ tức thành, liền tụng

Phộc nhật la thương yết

Lệ tông, Mật Ngũ xong

Đứng giữa, giữ cửa sau

वज्रसंकेतं वं

*)VAJRA ŚAMKALE VAM

Chẳng sửa tướng Ấn trước

Ngang tim hơi dao động

Tên Chân Kim Cương Linh

Phộc nhật la kiện trí

Cốc, Mật Ngũ tụng xong

Cầm Khánh giữ cửa trái (cửa bên trái)

वज्रसंकेतं वं

*)VAJRA-GHAMṬE HOḤ

Hình sắc bốn **Nhiếp Tôn**

Ứng bốn Nội Nê Vi (Devī: Thiên Nữ bên trong)

Mười sáu Tôn như trên

Thành khách Diệu Ấn đầy

Xinh đẹp đủ phong cách

Phổ Hiền ngồi trên sen

Đều y vành trắng, trụ

Tất cả vật trang nghiêm

Dùng để tô điểm thân

Đều đội mào Ngũ Phật

Xiêm (áo xiêm), sen tùy sắc thể (màu của hình thể)

Đều dùng mắt nhiếp thích

Chiêm ngưỡng Trì Kim Cương

Như vậy an lập xong

Thành Đại Mạn Đồ La

Trong ấy như Luân Hình (hình bánh xe)

Tám cột trụ nghiêm sức

Giữa trụ Kim Cương Thắng

Dùng vành trắng trang nghiêm

Ngoại Mạn Đồ La ấy

Bốn phương ứng bốn cửa

Bốn cửa ngoài tương ứng

Cửa nẻo hợp chéo nghe

Điểm đầy báu Kim Cương

Các góc Mạn Đồ La

Dùng Bán Nguyệt (hình nửa vành trăng) trang nghiêm
Anh Lạc, chuông, lụa, phan
Đều treo rũ nơi nơi
Gió nhẹ thổi lay động
Phát âm thanh hòa nhã
Giới Kim Cương vòng quanh
Hư không làm cung điện
Mạn Đồ La ở trong
Như vậy để tư duy (chân thật suy tư)
Tất cả Thời Phương trụ
Tim mình đã an lập
Tâm mình là Bản Tôn
Nhóm như vậy cúng dường
Vây quanh hiền thân ấy
Đi đứng thường theo kề
Tất cả sắc đã thấy
Quán nhóm ấy đều Không (trống rỗng)
Lại nghĩ thân Bản Tôn
Tụng **Án ca lộ mục**
Khur tát phộc đạt ma
Noa ma nhĩ nỗ bán
Năng đát miệt, Mật Ngữ

ॐ ऌ ॡ सुब्र सुब्र वधुवधुवधुवधु वधु

*)OM_ KĀRO MUKHAM, SARVA DHARMANAM ĀDY-ANUTPANA
TVĀT

Hoặc lược xưng chữ **Án** (ॐ_ OM)
Tư suy nghĩ Thắng Giải
Hương xoa, đèn, hương đốt
Vòng hoa, thức ăn uống
Quần áo, báu, phương, lọng
Quạt, phát, phan, chuông hiền
Ca múa, trống cung điện
Trần khắp cõi hư không
Nay Ta đều biến hóa
Tất cả Thắng Cúng Dường
Chúng Thánh nhận lấy dùng
Liên tụng bốn **Tán Vương**
Xạ Bao Tràng, Mạn Ấn
Luân Xướng, Kim Cương Dục
Tát phộc nỗ la nga
Tô khur tát đát mãng
Năng bà phóng tiền nghi
Đát tông phộc nhật la
Tát đoả bá la ma
Tác la đá diệu đà
Bà phộc minh ma ha
Tô khur nhĩ lý trụ

Sái la dā na tràng
Bát la để phiên như
Tất địa giả cụ la
Bát la noa đa mạn

सर्वानुराग सुख सत्त्वमस व वज्रसर्व परमः सुरतः स्व म
मन्सुख वृक्ष कुट्टकः प्रपञ्च (सुख) सुर प्रमः

*)SARVA ANURĀGA SUKHA SATMANA SATVAM VAJRA-SATVA
PARAMAḤ SURATAḤ BHAVA ME , MAHĀ-SUKHA DR̥DHO CCHAYA
DAḤ PRATIPADYA SIDDHYA GHURA PRANATAḤ

Do **Kim Cương Ca** này
Đại Lạc tùy yêu thích
Thỏa lòng làm bền chắc
Đều được thành như ý

Lời ưa thích màu nhiệm (Diệu Thích Duyệt Ngôn)

Tùy phần tụng chữ **A**

Các Pháp vốn chẳng sinh

Nên biết nghĩa như vậy

Thê Đại Lạc chẳng không (trống rỗng)

Thường tụng **Hồng Ca La** (HŪM-KARA)

Kim Cương chứa Pháp Giới

Tùy ý an Mật Ngôn

Hồng ca la hoặc khác

Mỗi tụng phát lửa sáng

Trong chân lông ra khắp

Như Pha Chi Ca trắng

Nhật (mặt trời) hiện ánh trắng sáng

Thân, miệng, tâm Kim Cương

Đều tác Đé Quán (quán chân thật) đó

Thành tựu các giáo pháp

Kim Cương Ngũ Niệm Tụng

Hợp môi răng, không tiếng

Hơi động lưỡi niệm tụng

Tác tu tập như vậy

Cho đến đủ một tháng

Hoặc hai hoặc sáu tháng

Tướng đã quán đều hiện

Tự được thân Tát Đỏa

An trước thân Thánh Chúng

Dùng **Án Ca Lộ** (OM KĀRO) hiện

ॐ ऀरु सुखं सर्व धर्ममनुत्पन्नं वृद्ध

*)OM_ KĀRO MUKHAM, SARVA DHARMANAM ĀDY-ANUTPANA
TVĀṬ

Lại bày tám Cúng Dường

Ca tụng bốn Tán Vương

Kim Cương Phộc kèm hợp

Độ Nhân Nguyên (2 ngón giữa) như phượng
Tụng **Án cật lý cầu**
Phộc tát phộc tát đỏa
Nại đa dã tha nỗ
Nga tát sai trì vãn
Một đà vĩ sai diệm
Bồ năng la nga ma
Na sắc đố, án phộc
Nhật la tát đỏa mục

ॐ ऋः स्रस्रस्रथ (स्रस्रस्र
पुनरगमनयतु ॐ वज्रस्र मुः

यत्पुनरगमकं वदतिथं

*)OM_ KRTOVĀḤ, SARVA-SATVA ARTHA SIDDHIRDATTĀ YATHA
ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANAYATU _
OM VAJRA-SATVA MUḤ

Tụng Mật Ngôn này xong
Đem Án bung trên đỉnh
Quyền tiền các Thánh Chúng
Từ đỉnh mà lưu xuất

Nếu muốn tất cả Thời
Y Nghi này, tác ý
Thấy tất cả hình sắc
Đều tướng hiển Bản Tôn
Quán tướng Không (tướng trống rỗng) thân sắc
Tức là Bản Tôn ta
Tác suy tư như vậy
Tức tên **Thắng Giải Nhân**
Mỗi một sắc đã thấy
Đều **Không** (trống rỗng) Quán lại Quán
Thân Kim Cương Tát Đỏa
Đây bèn xong, cùng Tôn
Nên biết đều vốn **Không** (trống rỗng)
Liên đồng làm một Thể

Trụ **Du Già** (Yoga) như vậy
Đi, đứng hoặc ngồi, nằm
Tù ý niệm tụng Quang (ánh sáng)
Mười vạn biến hết xong
Suốt đêm chẳng ngủ nghỉ
Niệm tụng đến sáng sớm

Lại ở tất cả Thời
Dùng Diệu Thích Duyệt trước
Tam Ma Gia với Man
Đều tụng Bản Mật Ngữ
Tự thân thành Bản Tôn
Tâm an buộc Du Già
Sau nên ở bốn Thời

Trong Đạo Trường, niệm tụng
Cộng đủ mười vạn biến
Cho đến tận sau đêm
Nhu trước, chẳng ngủ nghỉ
Niệm tụng cho đến sáng
Chẳng lâu sẽ thành tựu
Thẻ Bản Tôn, Thẻ Phật
Đạt được còn chẳng khó
Huống chi các Tất Địa

Thiện Hiền A Xà Lê
Tập nghĩ vi diệu này
Ta lược nói Đại Kinh
Gom yếu chỉ bí mật
Chẳng vào Mạn Đồ La
Khéo dùng kết tội cầu
Vớ các Giáo đã nói
Phạm tội chướng rất nặng
Không ai trừ diệt được
Kết **Kim Cương Tát Đỏa**
Đại Ấn hay diệt hết

Người tu Tam Muội này
Dùng ý tác các Pháp
Tất cả Giáo chẳng nói
Đều tùy ý thành tựu
Vừa kết Đại Ấn thời
Nhu Lai đều kính lễ
Mật Ngữ này tức là
Chủ Tê của chư Phật
Sức uy đức Đại Ấn
Tịch Thắng không luận đủ
Chẳng làm các Nghi Quỹ
Chỉ kết một Đại Ấn
Không thể gây chướng ngại
Mau chóng được thành tựu
Hộ Bản Tam Ma Gia
Chẳng khiến thân tâm khổ
Được vui nhận thành tựu

Nguyện khắp các Hữu Tình
Tin nhận, vào Pháp này
Thấy đều mau thành tựu
Thân Kim Cương Tát Đỏa
Chiếu khắp Thẻ bèn chắc
Vớ các thân tùy nguyện

PHỔ HIÊN DU GIÀ KINH
ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA THÀNH TỰU NGHI QUỸ (Hết)

Đại Lịch, năm thứ ba, tháng tám , ngày 14_ Tầng của Chùa Thanh Long ở Tây Kinh là NGUYỄN LỰC viết chép bản ghi chép chữ Phạn Hán

Ứng Đức, năm đầu tiên, tháng 9, ngày 28_ THẦN KHẮC ở phòng Quế Lâm dùng **Đường Bản Truyện** của Đường Viện lúc trước viết chép xong **Thiên Thủ Nghi Quỹ** của bản Kiện Đường tại Đế Nhĩ Lương để ghi chép

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/04/2013